



T&D ALUMINIUM

HỒ SƠ CÔNG BỐ

CÔNG TY TNHH NHÔM TIẾN ĐẠT

MỤC LỤC

THÔNG BÁO TIẾP NHẬN BẢN CÔNG BỐ HỢP QUY SẢN PHẨM THANH ĐỊNH HÌNH (PROFILE) NHÔM VÀ HỢP KIM NHÔM	1
BẢNG CÔNG BỐ HỢP QUY: THANH ĐỊNH HÌNH (PROFILE) NHÔM VÀ HỢP KIM NHÔM	2
CHỨNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN TCVN ISO 9001:2015/9001:2015	3
CHỨNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN TCVN 16:2019/BXD	5
PHỤ LỤC DANH MỤC SẢN PHẨM HỢP KIM NHÔM DẠNG PROFILE	7
CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ NHÃN HIỆU "T&D ALUMINIUM"	12
CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ NHÃN HIỆU "TDA"	14
CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ NHÃN HIỆU "GERNIUM"	16
BÁO CÁO THỬ NGHIỆM XTEST: THANH ĐỊNH HÌNH (PROFILE) NHÔM VÀ HỢP KIM NHÔM (6061) - KÝ HIỆU MẪU: TD1	18
BÁO CÁO THỬ NGHIỆM XTEST: THANH ĐỊNH HÌNH (PROFILE) NHÔM VÀ HỢP KIM NHÔM (6061) - KÝ HIỆU MẪU: TD2	19
BÁO CÁO THỬ NGHIỆM XTEST: THANH ĐỊNH HÌNH (PROFILE) NHÔM VÀ HỢP KIM NHÔM (6063) - KÝ HIỆU MẪU: TD3	20
BÁO CÁO THỬ NGHIỆM XTEST: THANH ĐỊNH HÌNH (PROFILE) NHÔM VÀ HỢP KIM NHÔM (6061) - KÝ HIỆU MẪU: TD4	21
KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM QUATEST: PHÔI 6063 - TD - XINGFA - C3328 - T1.4	22
KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM QUATEST: PHÔI 6063 - T6, SAU-04	25
CHỨNG NHẬN BẢO HÀNH BỘT SƠN AKZONOBEL	28
CHỨNG NHẬN BẢO HÀNH BỘT SƠN JOTUN	29

THÔNG BÁO TIẾP NHẬN BẢN CÔNG BỐ HỢP QUY SẢN PHẨM THANH ĐỊNH HÌNH
(PROFILE) NHÔM VÀ HỢP KIM NHÔM

UBND TỈNH BÌNH DƯƠNG
SỞ XÂY DỰNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 5877/TB-SXD

Bình Dương, ngày 11 tháng 10 năm 2023

THÔNG BÁO
Tiếp nhận Bản công bố hợp quy sản phẩm
Thanh định hình (Profile) nhôm và hợp kim nhôm

Sở Xây dựng tỉnh Bình Dương xác nhận đã tiếp nhận hồ sơ công bố hợp quy số: 01/2023/TDA-CBHQ ngày 23/10/2023 của Công ty TNHH nhôm Tiến Đạt.

Địa chỉ: 51/2 Bế Văn Đàn, khu phố Bình Đường 3, phường An Bình, thành phố Dĩ An, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam.

Điện thoại: 0901470959 E-mail: info@nhomtiendat.com

Tên sản phẩm, hàng hoá: **Thanh định hình (Profile) nhôm và hợp kim nhôm.**

Kiểu/ loại: Chi tiết theo Quyết định số 0196/2023/QĐ-QUASTA-CE ngày 20/10/2023 kèm theo giấy chứng nhận hợp quy số 014.23.00 ngày 20/10/2023.

Nơi sản xuất: Công ty TNHH nhôm Tiến Đạt, địa chỉ: 51/2 Bế Văn Đàn, khu phố Bình Đường 3, phường An Bình, thành phố Dĩ An, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam.

Phù hợp với Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia: QCVN 16:2019/BXD và có giá trị đến ngày 19/10/2026 (Theo Giấy chứng nhận hợp quy số: 014.23.00 ngày 20/10/2023 của Trung tâm Ứng dụng Tiêu chuẩn Chất lượng). Công ty TNHH nhôm Tiến Đạt phải thực hiện đúng các quy định về quyền và trách nhiệm của cơ sở được chứng nhận và các quy định có liên quan trong QCVN 16:2019/BXD.

Bản thông báo này chỉ ghi nhận sự cam kết của doanh nghiệp; không có giá trị chứng nhận cho sản phẩm phù hợp với quy chuẩn kỹ thuật tương ứng.

Công ty TNHH nhôm Tiến Đạt phải hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính phù hợp của sản phẩm do mình sản xuất, kinh doanh, bảo quản, vận chuyển, sử dụng, khai thác và thực hiện các công việc của tổ chức công bố hợp quy theo quy định tại Điều 16, Thông tư số 28/2012/TT-BKHCN ngày 12/12/2012 và khoản 5, Điều 1, Thông tư số 02/2017/TT-BKHCN ngày 31/3/2017 của Bộ Khoa học và Công nghệ.

Nơi nhận:

- Công ty TNHH nhôm Tiến Đạt;
- Website Sở Xây dựng;
- Lưu VT; P.KTKT, Ph.

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC



Bộ Kỹ Thuật

**BẢNG CÔNG BỐ HỢP QUY: THANH ĐỊNH HÌNH (PROFILE) NHÔM
VÀ HỢP KIM NHÔM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

BẢN CÔNG BỐ HỢP QUY

Số: 01/2023/TDA-CBHQ

Tên tổ chức, cá nhân: CÔNG TY TNHH NHÔM TIỀN ĐẠT

Địa chỉ: 51/2 Bế Văn Đàn, khu phố Bình Đường 3, Phường An Bình, Thành phố Dĩ An, Tỉnh Bình Dương

Điện thoại: 0901.470.959

Email: info@nhomtiendat.com

CÔNG BỐ:

Tên sản phẩm, hàng hoá:

THANH ĐỊNH HÌNH (PROFILE) NHÔM VÀ HỢP KIM NHÔM

Kiểu loại: Hợp kim nhôm 6063, 6061, 6005

Mặt cắt và kích thước: Theo danh mục đính kèm

Phù hợp với Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia:

QCVN 16:2019/BXD VÀ ĐƯỢC PHÉP SỬ DỤNG DẤU HỢP QUY (CR)

Thông tin bổ sung:

Căn cứ quyết định số 0196/2023/QĐ-QUASTA-CE

Căn cứ giấy chứng nhận số: 014.23.00

Phương thức chứng nhận: Phương thức 5 (Thông tư số 28/2012/TT-BKHCN ngày 12/12/2012 và Thông tư số 02/2017/TT-BKHCN ngày 31/3/2017 của Bộ Khoa học và Công nghệ).

CÔNG TY TNHH NHÔM TIỀN ĐẠT cam kết và chịu trách nhiệm về tính phù hợp của sản phẩm, hàng hoá, quá trình, dịch vụ và môi trường do mình sản xuất, kinh doanh, bảo quản, vận chuyển, sử dụng, khai thác.

Bình Dương, ngày 23 tháng 10 năm 2023
CÔNG TY TNHH NHÔM TIỀN ĐẠT
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

LÊ XUÂN NHÃ

TRUNG TÂM ỨNG DỤNG TIÊU CHUẨN CHẤT LƯỢNG
Quality Standards Application Center



GIẤY CHỨNG NHẬN
CERTIFICATE

No: HT.022.23.24

Chứng nhận hệ thống quản lý chất lượng của:
This is to certify that the Quality Management System of

CÔNG TY TNHH NHÔM TIẾN ĐẠT
TIEN DAT ALUMINUM COMPANY LIMITED

Địa chỉ/Address:

**51/2 đường Bế Văn Đàn, khu phố Bình Đường 3, Phường An Bình, Thành phố Dĩ An,
Tỉnh Bình Dương, Việt Nam**

*51/2 Be Van Dan Street, Binh Duong 3 Quarter, An Binh Ward, Di An City,
Binh Duong Province, Vietnam*

Cho lĩnh vực hoạt động /for the following Activities:

Sản xuất và kinh doanh Thanh định hình (profile) nhôm và hợp kim nhôm
Manufacturing and trading of aluminum profiles and aluminum alloys

Đã được đánh giá phù hợp với yêu cầu của tiêu chuẩn/
Has been assessed and found to conform with the requirements of the following standard

TCVN ISO 9001:2015/ISO 9001:2015

Giấy chứng nhận có giá trị/This certificate is valid: từ/ from: 20-10-2023 đến/to: 19-10-2026
(Định kỳ hàng năm phải có Quyết định duy trì hiệu lực của giấy chứng nhận này đính kèm)



(Mẫu dấu)



GIÁM ĐỐC/Director

Lưu Anh Minh

**TRUNG TÂM ỨNG DỤNG
TIÊU CHUẨN CHẤT LƯỢNG (QUASTA-CE)**

-----***-----

Số: 0195/2023/QĐ-QUASTA-CE

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

-----***-----

Hà Nội, ngày 20 tháng 10 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH
Về việc cấp giấy chứng nhận Hệ thống quản lý chất lượng

GIÁM ĐỐC
TRUNG TÂM ỨNG DỤNG TIÊU CHUẨN CHẤT LƯỢNG

- Căn cứ Quyết định số 487/QĐ-LHHVN ngày 22 tháng 7 năm 2014 của Đoàn Chủ tịch Hội đồng Trung ương Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật Việt Nam thành lập Trung tâm Ứng dụng Tiêu chuẩn Chất lượng;

- Căn cứ Quyết định số 488/QĐ-LHHVN ngày 22 tháng 7 năm 2014 của Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật Việt Nam về việc ban hành Điều lệ tổ chức hoạt động của Trung tâm Ứng dụng Tiêu chuẩn Chất lượng;

- Căn cứ Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động Khoa học và Công nghệ số: A-1209 ngày 20 tháng 10 năm 2015 của Bộ Khoa học và Công nghệ;

- Căn cứ Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chứng nhận số: 1770/TĐC -HCHQ ngày 12 tháng 06 năm 2023 của Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng;

- Căn cứ qui trình đánh giá chứng nhận hệ thống quản lý chất lượng phù hợp tiêu chuẩn ISO 9001 của Trung tâm Ứng dụng Tiêu chuẩn Chất lượng;

- Căn cứ đề nghị của Phòng chứng nhận ngày 19/10/2023, kèm theo báo cáo đánh giá của đoàn chuyên gia đánh giá ngày 10/10/2023.

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1: Cấp giấy chứng nhận số: HT.022.23.24 cho Hệ thống quản lý chất lượng phù hợp tiêu chuẩn ISO 9001:2015 với lĩnh vực hoạt động “Sản xuất và kinh doanh Thanh định hình (profile) nhôm và hợp kim nhôm” của Công ty TNHH Nhôm Tiến Đạt (địa chỉ: 51/2 đường Bế Văn Đàn, khu phố Bình Đường 3, Phường An Bình, Thành phố Dĩ An, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam).

Điều 2: Giấy chứng nhận có hiệu lực từ ngày 20/10/2023 đến ngày 19/10/2026.

Điều 3: Trong thời gian hiệu lực của giấy chứng nhận Công ty TNHH Nhôm Tiến Đạt được phép sử dụng dấu chứng nhận do Quasta-Ce cấp. Định kỳ hàng năm Công ty chịu sự đánh giá giám sát định kỳ 12 tháng/lần.

Nơi nhận:

- Tổ chức được chứng nhận;
- Các bộ phận của QUASTA-CE;
- Lưu VP



No: 014.23.00

HỢP KIM NHÔM DẠNG PROFILE/ PROFILE ALUMINUM ALLOY

Nhãn hiệu/Trademark:



Gernium

CÔNG TY TNHH NHÔM TIẾN ĐẠT
TIEN DAT ALUMINUM COMPANY LIMITED

51/2 đường Bế Văn Đàn, khu phố Bình Đường 3, P. An Bình, TP. Dĩ An, Tỉnh Bình Dương

51/2 Be Van Dan Street, Binh Duong 3 Quarter, An Binh Ward, Di An City,
Binh Duong Province, Vietnam

Phù hợp với Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia/ Conform to National Technical Regulation:

QCVN 16:2019/BXD

VÀ ĐƯỢC PHÉP SỬ DỤNG DẤU HỢP QUY (CR)/
And permitted for use conformity mark (CR)

Phương thức chứng nhận/ Mode of certification:

Phương thức 5 / Modes of 5

(Thông tư số 28/2012/TT-BKHCN và Thông tư số 02/2017/TT-BKHCN ngày 31/3/2017 của Bộ Khoa học và Công nghệ)

Giấy chứng nhận có giá trị/This certificate is valid: từ/ from: 20-10-2023 đến/to: 19-10-2026
(Định kỳ hàng năm phải có Quyết định duy trì hiệu lực của giấy chứng nhận này đính kèm)



(Mẫu dấu)



Luru Anh Minh

TRUNG TÂM ỨNG DỤNG
TIÊU CHUẨN CHẤT LƯỢNG(QUASTA-CE)

-----***-----

Số: 0196/2023/QĐ-QUASTA-CE

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

-----***-----

Hà Nội, ngày 20 tháng 10 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

Về việc cấp giấy chứng nhận Sản phẩm phù hợp quy chuẩn

GIÁM ĐỐC

TRUNG TÂM ỨNG DỤNG TIÊU CHUẨN CHẤT LƯỢNG

- Căn cứ Quyết định số 487/QĐ-LHHVN ngày 22 tháng 7 năm 2014 của Đoàn Chủ tịch Hội đồng Trung ương Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật Việt Nam về việc thành lập Trung tâm Ứng dụng Tiêu chuẩn Chất lượng;

- Căn cứ Quyết định số 488/QĐ-LHHVN ngày 22 tháng 7 năm 2014 của Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật Việt Nam về việc ban hành Điều lệ tổ chức hoạt động của Trung tâm Ứng dụng Tiêu chuẩn Chất lượng;

- Căn cứ Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động Khoa học và Công nghệ số: A-1209 ngày 20 tháng 10 năm 2015 của Bộ Khoa học và Công nghệ;

- Căn cứ Quyết định số 1125/QĐ-BXD ngày 24/8/2020 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về việc chỉ định Trung tâm Ứng dụng Tiêu chuẩn Chất lượng đánh giá chứng nhận chất lượng sản phẩm, hàng hóa vật liệu xây dựng phù hợp quy chuẩn kỹ thuật QCVN 16:2019/BXD;

- Căn cứ qui trình đánh giá chứng nhận sản phẩm phù hợp quy chuẩn của Trung tâm Ứng dụng Tiêu chuẩn Chất lượng;

- Căn cứ đề nghị của Phòng chứng nhận ngày 19/10/2023, kèm theo báo cáo đánh giá của đoàn chuyên gia đánh giá ngày 10/10/2023 và kết quả thử nghiệm ngày 13/10/2023

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1: Cấp giấy chứng nhận số 014.23.00 cho sản phẩm “Hợp kim nhôm dạng profile”, kiểu loại: (danh mục kèm theo) phù hợp quy chuẩn QCVN 16:2019/BXD do Công ty TNHH Nhôm Tiến Đạt sản xuất (địa chỉ: 51/2 đường Bế Văn Đàn, khu phố Bình Đường 3, P. An Bình, TP Dĩ An, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam)

Điều 2: Giấy chứng nhận có hiệu lực từ ngày 20/10/2023 đến ngày 19/10/2026.

Điều 3: Trong thời gian hiệu lực của giấy chứng nhận Công ty TNHH Nhôm Tiến Đạt được phép sử dụng dấu chứng nhận hợp quy do Quasta-Ce cấp và Công ty phải thực hiện các quy định có liên quan trong Thông tư số 28/2012/TT-BKHCN ngày 12/12/2012 và Thông tư số 02/2017/TT-BKHCN ngày 31/3/2017 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư số 28/2012/TT-BKHCN./.

Nơi nhận:

- Tổ chức được chứng nhận;
- Các bộ phận của QUASTA-CE;
- Lưu VP



GIÁM ĐỐC

Lưu Anh Minh

PHỤ LỤC DANH MỤC SẢN PHẨM HỢP KIM NHÔM DẠNG PROFILE

PHỤ LỤC

DANH MỤC SẢN PHẨM HỢP KIM NHÔM DẠNG PROFILE

(Kèm theo quyết định số 0196/2023/QĐ-QUASTA-CE và Giấy chứng nhận số 014.23.00 ngày 20/10/2023)

STT	Mã sản phẩm	Mặt cắt	Kích thước (WxH)mm	Độ dày (mm)
* NHÔM XINGFA 6063 - T5				
1	XF-C3286(1)		31.49 X 23.5	1.00
2	XF-C3295(1)		37.3 X 23.5	1.00
3	XF-C3296(1)		30.8 X 23.5	1.00
4	XF-C3300(2)		55 X 10.33	2.00
5	XF-C3300A(2)		55 X 6.17	2.00
6	XF-C3303(2)		87 X 54.8	2.00
7	XF-C3303KG(2)		87 X 54.8	2.00
8	XF-C3304(2)		138 X 54.5	2.00
9	XF-C3304KG(2)		138 X 54.5	2.00
10	XF-C3310		101.3 X 39	1.50
11	XF-C3323A(1.4)		50 X 57.2	1.40
12	XF-C3326 T2.2		59.26 X 55	2.20
13	XF-C3328(2)		54.8 X 66	2.00
14	XF-C3329A(1.5)		40.7 X 29.9	1.50
15	XF-C3329(1.5)		40.7 X 21.5	1.50
16	XF-C3332(2)		87 X 54.8	2.00
17	XF-C3332KG(2)		87 X 54.8	2.00
18	XF-C459(2.3)		19 X 4.3	2.30
19	XF-E192(1.1)		72 X 9.6	1.10
20	XF-E1283		47.8 X 21.8	1.20
21	XF-C3295(0.8)		37.25 X 23.5	0.80
22	XF-C3328(1.8)		54.8 X 66	1.80
23	XF-C3303(1.8)		87 X 54.8	1.80
24	XF-C3332(1.8)		87 X 54.8	1.80
25	XF-C3328(1.4)		54.8 X 66	1.40
26	XF-C3303(1.4)		87 X 54.8	1.40
27	XF-C3303KG(1.4)		87 X 54.8	1.40
28	XF-C3332(1.4)		87 X 54.8	1.40
29	XF-C3332KG(1.4)		87 X 54.8	1.40
30	XF-C3329A(1.4)		42 X 29.6	1.40
31	XF-C3303(1.3)		87 X 54.8	1.30
32	XF-C3328(1.3)		54.8 X 66	1.30
33	XF-C3332(1.3)		87 X 54.8	1.30
34	XF-C3328(1.2)		54.8 X 66	1.20
35	XF-C3303(1.2)		87 X 54.8	1.20
36	XF-C3303KG(1.2)		87 X 54.8	1.20
37	XF-C3304(1.2)		138 X 54.5	1.20
38	XF-C3323A(1.2)		50 X 57.2	1.20
39	XF-C3329A(1.2)		42 X 29.6	1.20
40	XF-C3329(1.2)		40.7 X 21.5	1.20
41	XF-C3332(1.2)		87 X 54.8	1.20
42	XF-C3332KG(1.2)		87 X 54.8	1.20
43	XF-C3326(1.2)		58.99 X 55	1.20
44	XF-C3303(1)		87 X 54.8	1.00

STT	Mã sản phẩm	Mặt cắt	Kích thước (WxH)mm	Độ dày (mm)
* NHÔM XINGFA 6063 - T5				
105	XF-D1546A(2)		33.7 X 62	2.00
106	XF-D1547A(2)		50 X 39.2	2.00
107	XF-D1548A(2)		39.5 X 23.3	2.00
108	XF-D1549A(2)		98 X 21.3	2.00
109	XF-D1555A(2)		28.9 X 71.5	2.00
110	XF-D1559(2)		93.4 X 38.8	2.00
111	XF-D1578(2)		94 X 20.65	2.00
112	XF-D1942(2)		93.4 X 40	2.00
113	XF-D1942A(2)		93.45 X 25.5	2.00
114	XF-D2618(2)		50.61 X 92.4	2.00
115	XF-D1541A(1.4)		93.4 X 40	1.40
116	XF-D1543A(1.4)		96.4 X 34	1.40
117	XF-D1544A(1.2)		28.9 X 50	1.20
118	XF-D1545A(1.2)		28.9 X 61.5	1.20
119	XF-D1546A(1.2)		33.7 X 62	1.20
120	XF-D1547A(1.2)		50 X 39.2	1.20
121	XF-D1548A(1.2)		39.5 X 23.3	1.20
122	XF-D1549A(1.2)		98 X 21.3	1.20
123	XF-D1555A(1.2)		28.9 X 71.5	1.20
124	XF-D1559(1.2)		93.4 X 38.8	1.20
125	XF-D1578(1.2)		94 X 20.65	1.20
126	XF-D1942(1.4)		93.4 X 40	1.40
127	XF-D1942A(1.4)		93.45 X 25.5	1.40
128	XF-D2618(1.2)		50.61 X 92.4	1.20
129	XF-D3211(2)		135 X 45.2	2.00
130	XF-D3212(2)		135 X 55.2	2.00
131	XF-D3212B(2)		135 X 25	2.00
132	XF-D3213(2)		138.8 X 35.3	2.00
133	XF-D26144(1.6)		71.6 X 28.9	1.60
134	XF-D26146(1.6)		85 X 33.3	1.60
135	XF-D28127(1.6)		85 X 39.2	1.60
136	XF-MD001(1.5)		54.8 X 47.2	1.50
137	XF-MD002(1.5)		59.7 X 46.7	1.50
138	XF-MD651(2.5)		65 X 120	2.50
139	XF-MD652(2.5)		65 X 77	2.50
140	XF-MD652A(2.3)		65 X 65	2.30
141	XF-MD653(1.5)		65 X 26.5	1.50
142	XF-MD654(2.3)		63.4 X 9.6	2.30
143	XF-MD655(2.5)		100.53 X 99.98	2.50
144	XF-MD657(3.2)		55 X 59	3.20
145	XF-MD501(3)		114 X 56	3.00
146	XF-MD461(2.5)		80 X 65	2.50
147	XF-D5059		30.1 X 25.1	1.40
148	XF-D5060		55.4 X 25.1	1.10

45	XF-C3304(1)		138 X 54.5	1.00
46	XF-C3323A(1)		50 X 57.2	1.00
47	XF-C3328(1)		54.8 X 66	1.00
48	XF-C3332(1)		87 X 54.8	1.00
49	XF-C3329A(1)		40.7 X 29.9	1.00
50	XF-C3300(1)		55 X 10.33	1.00
51	XF-C3326(1)		58.98 X 55	1.00
52	XF-C3203(1.4)		68 X 54.8	1.40
53	XF-C3208(1.4)		50.8 X 50.6	1.40
54	XF-C3209(1.4)		54.8 X 50	1.40
55	XF-C3313(1.4)		75 X 54.8	1.40
56	XF-C3318(1.4)		54.8 X 50	1.40
57	XF-C8092(1.4)		54.8 X 76	1.40
58	XF-C8092KG(1.4)		54.8 X 76	1.40
59	XF-C3033(1.4)		51 X 52.4	1.40
60	XF-C3313B(1.3)		75 X 54.8	1.30
61	XF-C3313A(1.1)		54.8 X 75.2	1.10
62	XF-C3203(1.2)		68 X 54.8	1.20
63	XF-C3208(1.2)		50.8 X 50.6	1.20
64	XF-C3209(1.2)		54.8 X 50	1.20
65	XF-C3313(1.2)		75 X 54.8	1.20
66	XF-C3318(1.2)		54.8 X 50	1.20
67	XF-C8092(1.2)		54.8 X 76	1.20
68	XF-C8092KG(1.2)		54.8 X 76	1.20
69	XF-C3033(1.2)		51 X 52.4	1.20
70	XF-C3203(1)		68 X 54.8	1.00
71	XF-C3209(1)		54.8 X 50	1.00
72	XF-C3313(1)		75 X 54.8	1.00
73	XF-C3318(1)		54.8 X 50	1.00
74	XF-C8092(1)		54.8 X 76	1.00
75	XF5501(1.4)		55 X 46	1.40
76	XF5502(1.4)		70 X 30	1.40
77	XF5504(1.4)		34 X 22	1.40
78	XF5503(1.2)		34.2 X 47.5	1.20
79	XF5501(1.2)		55 X 46	1.20
80	XF5502(1.1)		70 X 30	1.10
81	XF5504(1.2)		34 X 22	1.20
82	XF-CT5507		21.6 X 22.2	1.70
83	XF-CT5502		74.5 X 30.9	2.00
84	XF-CT5501		54.8 X 50.7	2.00
85	XF-CT5506		15 X 6.9	1.50
86	XF-CT20526(1.4)		61.2 X 28.2	1.40
87	XF-CT20532(1.4)		54.8 X 46.6	1.40
88	XF-D23159		20.3 X 31.5	1.20
89	XF-CT20526(1.2)		61.2 X 28.2	1.20
90	XF-CT20527(1.2)		34.4 X 34	1.20
91	XF-CT20528(1.2)		24.3 X 20.7	1.20
92	XF-CT20532(1.2)		54.8 X 46.6	1.20
93	XF-CT20526(1.1)		61.2 X 28.2	1.10

149	XF-D5061		52.2 X 45.1	1.20
150	XF-D5062		52 X 25.1	1.20
151	XF-C5409		45 X 29.2	2.00
152	XF-F520		25 X 23.4	1.20
153	XF-F521		23.6 X 26.6	1.00
154	XF-F523		50 X 74.6	1.50
155	XF-F606		58 X 56.6	1.50
156	XF-F607		58 X 56.6	1.50
157	XF-F608		54.55 X 53.8	1.75
158	XF-F2345		54.8 X 47.2	2.00
159	XF-F605		63.4 X 70.2	4.00
160	XF-C3206(1)		37.2 X 23.5	1.00
161	XF-C38010(2)		101.6 X 11.1	2.00
162	XF-C38019(2)		101.6 X 66.2	2.00
163	XF-C38019B(1.4)		132.8 X 65.9	1.40
164	XF-C38039(1.4)		101.6 X 50	1.40
165	XF-C38019(1.2)		101.6 X 66.2	1.20
166	XF-C38038(1.2)		100.7 X 50	1.20
167	XF-C38038B(1.2)		132.8 X 50	1.20
168	XF-C38303(1.4)		120.5 X 55.5	1.40
169	XF-PHAO-C38038(1.2)		100 X 50	1.20
170	XF-PHAO-C38038B(1.2)		132.8 X 50	1.20
171	XF-PHAO-C38019(1.4)		95.2 X 66	1.30
172	XF-PHAO-C38019B(1.4)		132.2 X 66	1.30
173	XF-C38313(1.4)		75 X 77.5	1.40
174	XF-PHAO-C38313(1.2)		110 X 75	1.20
175	XF-PHAO-C38313B(1.2)		74.8 X 45.8	1.20
176	XF-PHAO-001(1.3)		26.4 X 36.6	1.30
177	XF-PHAO-001B(1.2)		7.4 X 34.5	1.20
178	XF-PHAO-002(1)		39.6 X 40	1.00
179	XF-PHAO-003(1)		64.8 X 23.7	1.00
180	XF-C4332		108 X 10	1.00
181	XF-S13A		26.22 X 22.86	0.90
182	XF-5503A		33.1 X 20.1	1.00
183	XF-5302A		84.3 X 43	0.90
184	XF-5302B		55.3 X 43	1.00
185	XF-5403A		55.41 X 43	1.00
186	XF-5402		75 X 55	1.00
187	XF-5201A		90 X 43	1.00
188	XF-5301A		76 X 43	0.90
189	XF-P5101		55 X 56	0.90
190	XF-5503		39 X 18.7	1.00
191	XF-5601		54.9 X 42	1.00
192	XF-5602		70.2 X 28	1.00
193	XF-5603		31.6 X 36.7	1.00
194	NT-01		50 X 50.2	1.00
195	NT-02		25.5 X 25.5	1.00
196	NT-03		60.8 X 16	1.00
197	NT-04		75 X 20	1.00

94	XF-CT20532(1.1)		54.8 X 46.6	1.10
95	XF-CT20526(1)		61.2 X 28.2	1.00
96	XF-CT20527(1)		34.4 X 34	1.00
97	XF-CT20528(1)		24.3 X 20.7	1.00
98	XF-CT20532(1)		54.8 X 46.6	1.00
99	XF-C101A T0.9		18.2 X 16	0.90
100	XF-D1168 T0.9		18.3 X 16.85	0.90
101	XF-D1541A(2)		93.4 X 40	2.00
102	XF-D1543A(2)		98 X 34	2.00
103	XF-D1544A(2)		28.9 X 50	2.00
104	XF-D1545A(2)		28.9 X 61.5	2.00

*** NHÓM PHỔ THÔNG 6063 - T5**

208	A5051		70 X 31.7	0.85
209	A5052		70 X 34	0.87
210	A5053		71.76 X 22	0.84
211	A5054		21.9 X 25.4	0.85
212	A5055		54 X 21.9	0.85
213	A5056		34.7 X 28.5	0.84
214	A5057		31.7 X 25.4	0.84
215	A5058		69.6 X 6	0.84
216	A5126		31.7 X 21.7	0.84
217	A7002		70 X 41	0.96
218	A7005		70 X 49.4	1.01
219	A7006		70 X 54	0.87
220	A7051		75 X 25.4	0.85
221	A7052		50 X 30	1.08
222	A7053		62 X 35.5	0.85
223	A7054		100 X 25.4	0.97
224	A7008		70 X 54	0.84
225	A7011		76.2 X 49.4	0.84
226	A7012		76.2 X 37.4	0.84
227	A7019		76.2 X 37.4	0.84
228	A7109		70 X 35	0.85
229	A1001		101.6 X 69.9	1.12
230	A1002		101.6 X 44.5	1.11
231	A1002A		101.6 X 57.2	1.05
232	A1009		101.6 X 57.2	1.11
233	A1052		100 X 30	1.12
234	A1053		115 X 36.2	1.25
235	A4221		103 X 5.9	0.74
236	A4222		95 X 5	0.79
237	A4223		105.1 X 10	0.79
238	A4332		103.5 X 9.6	-
239	A4333		100 X 10	0.63
240	A9762		70 X 15	0.84
241	A9742		21 X 13.8	0.84
242	A9743A		17 X 6	1.00
243	A9745A		24.7 X 10	0.74
244	A9755		39.8 X 18	0.64

198	NT-05		38.2 X 16.9	1.00
199	NT-06		52.2 X 20	1.00
200	NT-07		50 X 16	1.00
201	NT-08		105 X 16	1.00
202	NT-09		86.95 X 9.73	0.80
203	NT-10		70.3 X 92.2	1.00
204	NT-11		95.1 X 8	0.50
205	NT-12		45 X 45	1.00
206	NT-13		18.5 X 16	1.00
207	NT-14		50 X 50.2	

*** NHÓM PHỔ THÔNG 6063 - T5**

312	AS7622		76 X 34.8	1.05
313	AS7622A		76 X 34.8	0.80
314	AS7623		79.4 X 22	0.90
315	AS7626		35.5 X 25	1.70
316	AS7656		28.4 X 36.8	0.90
317	AS9762		70 X 15	0.62
318	AS9742		21 X 13.8	0.62
319	AS9743A		17 X 6	0.70
320	AS9745A		24.7 X 10	0.52
321	AS9755		39.8 X 18	0.47
322	AS9756		46.2 X 18	0.47
323	AS9759		30.48 X 28	0.45
324	AS4601		44.5 X 50	0.70
325	AS9753		27.55 X 13.66	0.45
326	AS9754		27.55 X 13.85	0.45
327	AS4208		58.3 X 23.75	0.80
328	AS4208A		75.6 X 11.4	0.80
329	AS9841		24.7 X 14.5	0.54
330	AS9842		14 X 12.5	0.52
331	AS3242		19.4 X 16.2	0.60
332	AS3243		33.8 X 17.7	0.60
333	AS7064		32.8 X 16	0.65
334	AS7065		14.8 X 7.2	0.65
336	AS6001		9.5 X 9.5	0.45
337	AS6002		12 X 12	0.48
338	AS6201A		12 X 12	0.42
339	AS6202		19 X 19	0.45
340	AS6203		25 X 25	0.50
342	AS4053		20 X 12	0.36
343	AS6108		25 X 12	0.60
344	SD6101		25 X 25	0.50
345	AS6102		38 X 25	0.51
346	AS7013		76 X 25	0.65
347	AS9865		76 X 38	0.70
348	AS7004		76 X 44	0.90
349	AS1003		100 X 44	1.00
350	M5051		70 X 31.7	0.52

245	A9756		46.2 X 18	0.64
246	A9759		30.48 X 28	0.63
247	A4601		44.5 X 50	0.85
248	A9753		27.55 X 13.66	0.64
249	A9754		27.55 X 13.85	0.64
250	A9841		24.7 X 14.5	0.75
251	A9842		14 X 12.5	0.75
252	A3242		19.4 X 16.2	0.85
253	A3243		33.8 X 17.7	0.85
254	A7064		32.8 X 16	0.85
255	A7065		14.8 X 7.2	0.90
256	A6003		12 X 7	-
257	A6001		9.5 X 9.5	-
258	A6002		12 X 12	-
259	A6201A		12 X 12	-
260	A6202		19 X 19	-
261	A6203		25 X 25	-
262	10X20(0.58)		20 X 10	0.61
263	A4053		20 X 12	0.72
264	A6108		25 X 12	0.74
265	A6101		25 X 25	0.74
266	A6102		38 X 25	0.63
267	A7013		76 X 25	0.84
268	A9865		76 X 38	0.84
269	A7004		76 X 44	1.05
270	A1003		100 X 44	1.26
271	AS5051		70 X 31.7	0.65
272	AS5052		70 X 34	0.65
273	AS5053A		71.76 X 22	0.65
274	AS5054		21.9 X 25.4	0.65
275	AS5055		54 X 21.9	0.65
276	AS5056		34.7 X 28.5	0.64
277	AS5057		31.7 X 25.4	0.64
278	AS5058		69.6 X 6	0.65
279	AS5126		31.7 X 21.7	0.70
280	AS7002		70 X 41	0.72
281	AS7005		70 X 49.4	0.70
282	AS7006		70 X 54	0.74
283	AS7051		75 X 25.4	0.73
284	AS7052		50 X 30	0.80
285	AS7053		62 X 35.5	0.77
286	AS7054		100 X 25.4	0.71
287	AS7008		70 X 54	0.65
288	AS7011		76.2 X 49.4	0.65
289	AS7012		76.2 X 37.4	0.65
290	AS7019		76.2 X 37.4	0.65
291	AS7109		70 X 35	0.65
292	AS1001		101.6 X 69.9	0.90
293	AS1002		101.6 X 44.5	0.90

351	M5052		70 X 34	0.48
352	M5053		71.76 X 22	0.57
353	M5054		21.9 X 25.4	0.41
354	M5055		54 X 21.9	0.47
355	M5056		34.7 X 28.5	0.52
356	M5057		31.7 X 25.4	0.48
357	M5058		69.6 X 6	0.55
358	M5126		31.7 X 21.7	0.55
359	M7002		70 X 41	0.62
360	M7005		70 X 49.4	0.60
361	M7006		70 X 54	0.60
362	M7051		75 X 25.4	0.55
363	M7052		50 X 30	0.59
364	M7053		62 X 35.5	0.60
365	M7054		100 X 25.4	0.60
366	M7008		70 X 54	0.54
367	M7011		76.2 X 49.4	0.57
368	M7012		76.2 X 37.4	0.56
369	M7019		76.2 X 37.4	0.58
370	M7109		70 X 35	0.49
371	M1001		101.6 X 69.9	0.80
372	M1002		101.6 X 44.5	0.80
373	M1002A		101.6 X 57.2	0.80
374	M1009		101.6 X 57.2	0.80
375	M1052		100 X 30	0.80
376	M1053		115 X 36.2	0.73
377	M4221		103 X 5.9	0.50
378	M4222		95 X 5	0.58
379	M4223		105.1 X 10	0.45
380	M4332		103.5 X 9.6	0.43
381	M4333		100 X 10	0.47
382	M9762		70 X 15	0.50
383	M9742		21 X 13.8	0.50
384	M9755		39.8 X 18	0.35
385	M9756		46.2 X 18	0.35
386	M9759		30.48 X 28	0.34
387	M4601		44.5 X 50	0.61
388	M9753		27.55 X 13.66	0.34
389	M9754		27.55 X 13.85	0.33
390	M7064		32.8 X 16	0.50
391	M7065		14.8 X 7.2	0.50
392	M6003		12 X 7	0.40
393	10X20(0.33)		20 X 10	0.33
394	M6108		25 X 12	0.35
395	M6101		25 X 25	0.36
396	SN6102		38 X 25	0.41
397	M7013		76 X 25	0.56
398	M6103		25 X 50	0.43
399	25*50(0.5)		25 X 50	0.50

294	AS1002A		101.6 X 57.2	0.90
295	AS1009		101.6 X 57.2	0.90
296	AS1052		100 X 30	0.90
297	AS1053		115 X 36.2	1.00
298	AS4221		103 X 5.9	0.60
299	AS4222		95 X 5	0.65
300	AS4223		105.1 X 10	0.65
301	B4332		103.5 X 9.6	0.42
302	AS9913		37.6 X 31.5	0.80
303	AS9914		41 X 18.5	0.90
304	AS9915		42.9 X 36.2	0.80
305	AS9951		70 X 26	0.80
306	AS9952		50.4 X 29	0.66
307	AS9954		25.4 X 35	0.90
308	TD197		31.8 X 33.8	2.60
309	TD192		26 X 31.8	1.30
310	AS2008		30.5 X 29	1.20
311	AS7621		76 X 34.8	0.90
* NHÔM CÔNG NGHIỆP 6005 - T5				
417	NKPA-01		22.36 X 8.65	8.65
418	NKPA-02		21.4 X 8.99	8.99
419	NKPA-03		29.4 X 3	3.00
420	NKPA-04		39.57 X 14.93	3.89
421	NKPA-05		31.57 X 35.26	3.51
422	NKPA-06		45.88 X 26.74	1.30
423	NKPA-07		35.96 X 54.03	2.06
424	NKPA-08		4.5 X 56.26	3.79
425	NKPA-09		25.21 X 55.34	3.54
426	NKPA-10		49.07 X 68.23	5.40
427	NKPA-11		40.16 X 28.89	2.75
428	NKPA-12		32.51 X 43.94	4.00
429	NKPA-13		39.85 X 44.86	1.80

400	25*50(0.55)		25 X 50	0.55
401	25*50(0.6)		25 X 50	0.60
402	25*50(0.65)		25 X 50	0.65
403	25*50(0.7)		25 X 50	0.70
404	25*50(0.8)		25 X 50	0.80
405	25*50(0.85)		25 X 50	0.85
406	25*50(1)		25 X 50	1.00
407	25*50(1.1)		25 X 50	1.10
408	Ø8(0.4)		Ø8(0.4)	0.40
409	Ø12(0.4)		Ø12(0.4)	0.40
410	Ø16(0.48)		Ø16(0.48)	0.48
411	Ø19(0.45)		Ø19(0.45)	0.45
412	Ø22(0.5)		Ø22(0.5)	0.50
413	Ø25(0.44)		Ø25(0.44)	0.44
414	Ø22(0.8)		Ø22(0.8)	0.80
415	Ø22(1.2)		Ø22(1.2)	1.20
416	Ø32(1.5)		Ø32(1.5)	1.50
* NHÔM CÔNG NGHIỆP 6005 - T5				
430	NKPA-14		36 X 80	5.80
431	NKPA-15		52.21 X 28.31	1.20
432	NKPA-16		36.5 X 22.2	1.60
433	NKPA-17		40 X 34.3	1.20
434	NKPA-18		29 X 20	1.50
435	NKPA-19		38.8 X 31.6	1.50
436	NKPA-20		44 X 14.8	1.80
437	NKPA-21		34 X 39.5	3.80
438	NKPA-22		40 X 12	4.00
439	NKPA-23		51 X 17	3.00
440	NKPA-24		85 X 40	8.00
441	NKPA-25		31.7 X 34.7	5.00

CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ NHÃN HIỆU "T&D ALUMINIUM"



BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG NHẬN
ĐĂNG KÝ NHÃN HIỆU
Số: 307025

Chủ Giấy chứng nhận: CÔNG TY TNHH NHÔM TIẾN ĐẠT (VN)
135A/3 khu phố Bình Đường 3, phường An Bình, thị xã Dĩ An, tỉnh
Bình Dương

Số đơn: 4-2015-31669
Ngày nộp đơn: 11/11/2015

Cấp theo Quyết định số: 75468/QĐ-SHTT, ngày: 23/10/2018

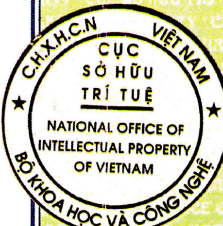
Có hiệu lực từ ngày cấp đến hết 10 năm tính từ ngày nộp đơn (có thể gia hạn).

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG


Lê Ngọc Lâm

VN 4-0307025





GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ NHÃN HIỆU SỐ: 307025

Mẫu nhãn hiệu:



Màu sắc nhãn hiệu: Xám, vàng, đen, trắng.

Loại nhãn hiệu: Thông thường

Nội dung khác: Nhãn hiệu được bảo hộ tổng thể. Không bảo hộ riêng "T&D ALUMINIUM".

Danh mục sản phẩm/ dịch vụ mang nhãn hiệu:

Nhóm 06: Nhôm; thanh nhôm định hình; lá nhôm; thanh ray bằng nhôm; hộp kim nhôm.

CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ NHÃN HIỆU "TDA"



BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG NHẬN
ĐĂNG KÝ NHÃN HIỆU
Số: 384233

Chủ Giấy chứng nhận: CÔNG TY TNHH NHÓM TIẾN ĐẠT (VN)
135A/3 khu phố Bình Đường 3, phường An Bình, thị xã Dĩ An, tỉnh
Bình Dương

Số đơn: 4-2019-06946

Ngày nộp đơn: 11/03/2019

Cấp theo Quyết định số: 28883/QĐ-SHTT, ngày: 13/04/2021

Có hiệu lực từ ngày cấp đến hết 10 năm tính từ ngày nộp đơn (có thể gia hạn).

CỤC TRƯỞNG

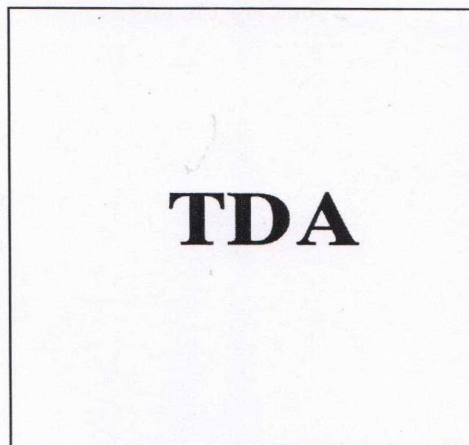

Đinh Hữu Phú

YVN 4-0384233



GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ NHÃN HIỆU SỐ: 384233

Mẫu nhãn hiệu:



Màu sắc nhãn hiệu:

Loại nhãn hiệu: Thông thường

Nội dung khác:

Danh mục sản phẩm/ dịch vụ mang nhãn hiệu:

Nhóm 06: Nhôm; thanh nhôm định hình; lá nhôm; thanh ray bằng nhôm; hộp kim nhôm.

CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ NHÃN HIỆU "GERNIUM"


BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG NHẬN
ĐĂNG KÝ NHÃN HIỆU
Số: 403780

Chủ Giấy chứng nhận: CÔNG TY TNHH NHÓM TIẾN ĐẠT (VN)
135A/3 khu phố Bình Đường 3 phường An Bình, thị xã Dĩ An, tỉnh
Bình Dương

Số đơn: 4-2019-52249
Ngày nộp đơn: 23/12/2019

Cấp theo Quyết định số: 88836/QĐ-SHTT, ngày: 18/11/2021

Có hiệu lực từ ngày cấp đến hết 10 năm tính từ ngày nộp đơn (có thể gia hạn).

CỤC TRƯỞNG


Đinh Hữu Phú

VN-4-0403780



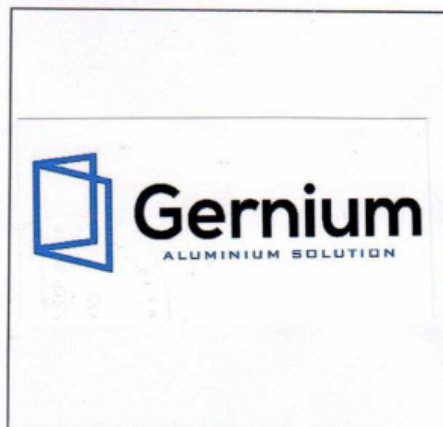
BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

INTELLECTUAL PROPERTY OFFICE OF VIETNAM

GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ NHÃN HIỆU SỐ: 403780

Mẫu nhãn hiệu:



Màu sắc nhãn hiệu: Đen, trắng, xanh dương.

Loại nhãn hiệu: Thông thường

Nội dung khác: Nhãn hiệu được bảo hộ tổng thể. Không bảo hộ riêng "ALUMINIUM SOLUTION".

Danh mục sản phẩm/ dịch vụ mang nhãn hiệu:

Nhóm 06: Nhôm; thanh nhôm định hình; lá nhôm; thanh ray bằng nhôm; hộp kim nhôm.

BÁO CÁO THỬ NGHIỆM XTEST: THANH ĐỊNH HÌNH (PROFILE) NHÔM
VÀ HỢP KIM NHÔM (6061) - KÝ HIỆU MẪU: TD1



Số/No: 01 - 050525/TN2-XTHanoi
HD: 1260425/XTHanoi-YC

Trung Tâm Thử Nghiệm VLXD XTEST Hà Nội
/ XTEST Hanoi Building Materials Test Center - LAS XD 1684
Địa chỉ/Addr: Ngõ 18, 495/1/30 Nguyễn Trãi, Thanh Xuân, Hà Nội
Liên hệ/Contacts: 0869 129 209 / hn@xtest.vn / www.xtest.vn

BÁO CÁO THỬ NGHIỆM / TEST REPORT

TÍNH CHẤT CƠ LÝ THANH PROFILE

/PHYSICO - MECHANICAL PROPERTIES OF PROFILE

Ha Noi, 05/05/2025

Trang/Page(s): 1/1

Khách hàng/Client: CÔNG TY TNHH NHÔM TIẾN ĐẠT
/Manufacturer Địa chỉ sx: 51/2 Bế Văn Đàn, Bình Đường 3, phường An Bình, TX Dĩ An, tỉnh Bình Dương
Yêu cầu/Request: Thử nghiệm chất lượng theo TCVN 12513-2, 7:2018

Tên mẫu/Sample name: Thanh định hình (profile) nhôm - XF-C8092 (6061) - Ký hiệu mẫu: TD1

Kiểu loại/Type: XF-C8092 Ngày nhận mẫu/Received date: 26/04/2025

Mô tả mẫu/Description: 2 mẫu dài 1 m Ngày thử nghiệm/Tested date: 26/04/25 - 05/05/2025

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM / TEST RESULT

STT	Chỉ tiêu /Characteristics	Đơn vị /Units	Kết quả/Results	Yêu cầu/Requests TCVN 12513-2,7:2018 Grade 6061T4	Phương pháp thử /Test methods
1	Thử kéo/Tensile				
	Giới hạn chảy/Yield strength	Mpa	172.8	≥ 110	TCVN 197-1:2014
	Giới hạn bền/Tensile strength	MPa	215.4	≥ 175	
	Độ giãn dài/Elongation, A50	%	18.6	≥ 16	
2	Phân tích thành phần hóa học /Analysis of chemical composition				
	Si	%	0.4482	$0.4 \div 0.8$	ASTM E1251:2011
	Mg	%	0.8137	$0.8 \div 1.2$	
	Mn	%	0.0061	≤ 0.15	
	Cu	%	0.1597	$0.15 \div 0.4$	
	Fe	%	0.1131	≤ 0.7	
	Cr	%	0.0571	$0.04 \div 0.35$	
	Zn	%	0.0078	≤ 0.25	
	Ni	%	0.0029	-	
	Ti	%	0.0274	≤ 0.15	
	V	%	0.0138	-	
	Pb	%	0.0014	-	
	Sn	%	0.0003	-	
	Be	%	0.0004	-	
	Zr	%	0.0002	-	
	Al	%	98.3214	-	

THỬ NGHIỆM VIÊN
Test by

Lưu Thị Lựu

TRUNG TÂM XTEST HÀ NỘI
XTEST Ha Noi Center
Trưởng phòng TN / Chief of LAB



Cao Hoàng Anh

CÔNG TY CP XTEST HÀ NỘI
XTEST HA NOI, JSC
P. Giám đốc / Deputy Manager



Nguyễn Văn Quyền

BM 17.02-75

Ghi chú/Note: 1. Kết quả chỉ có giá trị trên mẫu thử (Khách hàng mang tới) / The results are only valid for the tested sample(s).
2. Chỉ được sao chép một phần kết quả thử nghiệm (Được sao chép toàn bộ) khi có sự đồng ý bằng văn bản của XTEST Hà Nội / May only be copied a parts of test report (Allow full) only with a written acceptance by XTEST Ha Noi.

ISO/IEC 17025:2017
Developed by
XTEST Vietnam

**BÁO CÁO THỬ NGHIỆM XTEST: THANH ĐỊNH HÌNH (PROFILE) NHÔM
VÀ HỢP KIM NHÔM (6061) - KÝ HIỆU MẪU: TD2**



Số/No: 02 - 050525/TN2-XTHanoi
HD: 1260425/XTHanoi-YC

Trung Tâm Thử Nghiệm VLXD XTEST Hà Nội
/ XTEST Hanoi Building Materials Test Center - LAS XD 1684
Địa chỉ/Addr: No 18, 495/1/30 Nguyen Trai, Thanh Xuan, Ha Noi
Liên hệ/Contacts: 0869 129 209 / hn@xtest.vn / www.xtest.vn

BÁO CÁO THỬ NGHIỆM / TEST REPORT

TÍNH CHẤT CƠ LÝ THANH PROFILE

/PHYSICO - MECHANNICAL PROPERTIES OF PROFILE

Ha Noi, 05/05/2025
Trang/Page(s): 1/1

Khách hàng/Client: **CÔNG TY TNHH NHÔM TIẾN ĐẠT**
/Manufacturer: Địa chỉ sx: 51/2 Bế Văn Đàn, Bình Đường 3, phường An Bình, TX Dĩ An, tỉnh Bình Dương
Yêu cầu/Request: Thử nghiệm chất lượng theo TCVN 12513-2, 7:2018
Tên mẫu/Sample name: **Thanh định hình (profile) nhôm - XF-MD652 (6061) - Ký hiệu mẫu: TD2**
Kiểu loại/Type: XF-MD652 Ngày nhận mẫu/Received date: 26/04/2025
Mô tả mẫu/Description: 2 mẫu dài 1 m Ngày thử nghiệm/Tested date: 26/04/25 - 05/05/2025

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM / TEST RESULT

STT	Chỉ tiêu /Characteristics	Đơn vị /Units	Kết quả/Results	Yêu cầu/Requests TCVN 12513-2,7:2018 Grade 6061T4	Phương pháp thử /Test menthods
1	Thử kéo/Tensile				
	Giới hạn chảy/Yield strength	Mpa	178.3	≥ 110	TCVN 197-1:2014
	Giới hạn bền/Tensile strength	MPa	218.6	≥ 175	
	Độ giãn dài/Elongation, A50	%	19.2	≥ 16	
2	Phân tích thành phần hóa học /Analysis of chemical composition				
	Si	%	0.4493	$0.4 \div 0.8$	ASTM E1251:2011
	Mg	%	0.8127	$0.8 \div 1.2$	
	Mn	%	0.0063	≤ 0.15	
	Cu	%	0.1584	$0.15 \div 0.4$	
	Fe	%	0.1159	≤ 0.7	
	Cr	%	0.0603	$0.04 \div 0.35$	
	Zn	%	0.0073	≤ 0.25	
	Ni	%	0.0025	-	
	Ti	%	0.0268	≤ 0.15	
	V	%	0.0143	-	
	Pb	%	0.0017	-	
	Sn	%	0.0005	-	
	Be	%	0.0004	-	
	Zr	%	0.0003	-	
	Al	%	98.3329	-	

THỬ NGHIỆM VIÊN
Test by

Lưu Thị Lựu

TRUNG TÂM XTEST HÀ NỘI
XTEST Hanoi Center
Trưởng phòng TN / Chief of LAB

Cao Hoàng Anh

CÔNG TY CP XTEST HÀ NỘI
XTEST HA NOI, JSC
P. Giám đốc / Deputy Manager

Nguyễn Văn Quyền

BM 17.02-75

Ghi chú/Note: 1. Kết quả chỉ có giá trị trên mẫu thử (Khách hàng mang tới) / The results are only valid for the tested sample(s).
2. Chỉ được sao chép một phần kết quả thử nghiệm (Được sao chép toàn bộ) khi có sự đồng ý bằng văn bản của XTEST Hà Nội. / May only be copied a parts of test report (Allow full) only with a written acceptance by XTEST Ha Noi.

ISO/IEC 17025:2017
Developed by
XTEST Vietnam

**BÁO CÁO THỬ NGHIỆM XTEST: THANH ĐỊNH HÌNH (PROFILE) NHÔM
VÀ HỢP KIM NHÔM (6063) - KÝ HIỆU MẪU: TD3**



Số/No: 03 - 050525/TN2-XTHanoi
HD: 1260425/XTHanoi-YC

Trung Tâm Thử Nghiệm VLXD XTEST Hà Nội
/ XTEST Hanoi Building Materials Test Center - LAS XD 1684
Địa chỉ/Addr: No 18, 495/1/30 Nguyen Trai, Thanh Xuan, Ha Noi
Liên hệ/Contacts: 0869 129 209 / hn@xtest.vn / www.xtest.vn

BÁO CÁO THỬ NGHIỆM / TEST REPORT

TÍNH CHẤT CƠ LÝ THANH PROFILE

/PHYSICO - MECHANICAL PROPERTIES OF PROFILE

Ha Noi, 05/05/2025

Trang/Page(s): 1/1

Khách hàng/Client: CÔNG TY TNHH NHÔM TIẾN ĐẠT
/Manufacturer Địa chỉ sx: 51/2 Bế Văn Đàn, Bình Đường 3, phường An Bình, TX Dĩ An, tỉnh Bình Dương
Yêu cầu/Request: Thử nghiệm chất lượng theo TCVN 12513-2, 7:2018
Tên mẫu/Sample name: Thanh định hình (profile) nhôm - AS7052 (6063T5) - Ký hiệu mẫu: TD3
Kiểu loại/Type: AS7052 Ngày nhận mẫu/Received date: 26/04/2025
Mô tả mẫu/Description: 2 mẫu dài 1 m Ngày thử nghiệm/Tested date: 26/04/25 - 05/05/2025

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM / TEST RESULT

STT	Chỉ tiêu /Characteristics	Đơn vị /Units	Kết quả/Results	Yêu cầu/Requests TCVN 12513-2,7:2018 Grade 6063T5	Phương pháp thử /Test methods
1	Thử kéo/Tensile				
	Giới hạn chảy/Yield strength	Mpa	170.4	≥ 110	TCVN 197-1:2014
	Giới hạn bền/Tensile strength	MPa	209.3	≥ 150	
	Độ giãn dài/Elongation, A50	%	9.2	≥ 8	
2	Phân tích thành phần hóa học /Analysis of chemical composition				
	Si	%	0.3943	0.2 ÷ 0.6	ASTM E1251:2011
	Mg	%	0.7213	0.45 ÷ 0.9	
	Mn	%	0.0168	≤ 0.1	
	Cu	%	0.0127	≤ 0.1	
	Fe	%	0.1351	≤ 0.35	
	Cr	%	0.0083	≤ 0.1	
	Zn	%	0.0178	≤ 0.1	
	Ni	%	0.0050	-	
	Ti	%	0.0279	≤ 0.1	
	V	%	0.0186	-	
	Pb	%	0.0014	-	
	Sn	%	0.0008	-	
	Be	%	0.0004	-	
	Zr	%	0.0006	-	
	Al	%	98.5184	-	

THỬ NGHIỆM VIÊN

Test by

(Signature)

Lưu Thị Lựu

TRUNG TÂM XTEST HÀ NỘI

XTEST Hanoi Center

Trưởng phòng TN / Chief of LAB

(Signature)
XTEST
LAS-XD 1684

Cao Hoàng Anh

CÔNG TY CP XTEST HÀ NỘI

XTEST Hanoi, JSC

R. Giám đốc/Deputy Manager

(Signature)
CÔNG TY
CỔ PHẦN
XTEST
HÀ NỘI

Nguyễn Văn Quyền

BM 17.02-75

Ghi chú/Note: 1. Kết quả chỉ có giá trị trên mẫu thử (Khách hàng mang tới) / The results are only valid for the tested sample(s).
2. Chỉ được sao chép một phần kết quả thử nghiệm (Được sao chép toàn bộ) khi có sự đồng ý bằng văn bản của XTEST Hà Nội. / May only be copied a parts of test report (Allow full) only with a written acceptance by XTEST Ha Noi.

ISO/IEC 17025:2017

Developed by

XTEST Vietnam

**BÁO CÁO THỬ NGHIỆM XTEST: THANH ĐỊNH HÌNH (PROFILE) NHÔM
VÀ HỢP KIM NHÔM (6061) - KÝ HIỆU MẪU: TD4**



Số/No: 04 - 050525/TN2-XTHanoi
HD: 1260425/XTHanoi-YC

Trung Tâm Thử Nghiệm VLXD XTEST Hà Nội
/ XTEST Hanoi Building Materials Test Center - LAS XD 1684
Địa chỉ/Addr: No 18, 495/1/30 Nguyen Trai, Thanh Xuan, Ha Noi
Liên hệ/Contacts: 0869 129 209 / hn@xtest.vn / www.xtest.vn

BÁO CÁO THỬ NGHIỆM / TEST REPORT

TÍNH CHẤT CƠ LÝ THANH PROFILE

/PHYSICO - MECHANICAL PROPERTIES OF PROFILE

Hà Nội, 05/05/2025

Trang/Page(s): 1/1

Khách hàng/Client: **CÔNG TY TNHH NHÔM TIẾN ĐẠT**
/Manufacturer: Địa chỉ sx: 51/2 Bế Văn Đàn, Bình Đường 3, phường An Bình, TX Dĩ An, tỉnh Bình Dương
Yêu cầu/Request: Thử nghiệm chất lượng theo TCVN 12513-2, 7:2018
Tên mẫu/Sample name: **Thanh định hình (profile) nhôm - TD-XF-C3332 (6061) - Ký hiệu mẫu: TD4**
Kiểu loại/Type: TD-XF-C3332 Ngày nhận mẫu/Received date: 26/04/2025
Mô tả mẫu/Description: 2 mẫu dài 1 m Ngày thử nghiệm/Tested date: 26/04/25 - 05/05/2025

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM / TEST RESULT

STT	Chỉ tiêu /Characteristics	Đơn vị /Units	Kết quả/Results	Yêu cầu/Requests TCVN 12513-2,7:2018 Grade 6061T4	Phương pháp thử /Test methods
1	Thử kéo/Tensile				
	Giới hạn chảy/Yield strength	Mpa	170.4	≥ 110	TCVN 197-1:2014
	Giới hạn bền/Tensile strength	MPa	214.7	≥ 175	
	Độ giãn dài/Elongation, A50	%	19.8	≥ 16	
2	Phân tích thành phần hóa học /Analysis of chemical composition				
	Si	%	0.4582	$0.4 \div 0.8$	ASTM E1251:2011
	Mg	%	0.8206	$0.8 \div 1.2$	
	Mn	%	0.0071	≤ 0.15	
	Cu	%	0.1527	$0.15 \div 0.4$	
	Fe	%	0.1143	≤ 0.7	
	Cr	%	0.0628	$0.04 \div 0.35$	
	Zn	%	0.0067	≤ 0.25	
	Ni	%	0.0028	-	
	Ti	%	0.0193	≤ 0.15	
	V	%	0.0149	-	
	Pb	%	0.0014	-	
	Sn	%	0.0006	-	
	Be	%	0.0004	-	
	Zr	%	0.0004	-	
	Al	%	98.3287	-	

THỬ NGHIỆM VIÊN
Test by



Lưu Thị Lưu

TRUNG TÂM XTEST HÀ NỘI
XTEST Hanoi Center
Trưởng phòng TN / Chief of LAB



Cao Hoàng Anh

CÔNG TY CP XTEST HÀ NỘI
XTEST HANOI, JSC
P. Giám đốc / Deputy Manager



Nguyễn Văn Quyền




BM 17.02-75

Ghi chú/Note: 1. Kết quả chỉ có giá trị trên mẫu thử (Khách hàng mang tới) / The results are only valid for the tested sample(s).
2. Chỉ được sao chép một phần kết quả thử nghiệm (Được sao chép toàn bộ) khi có sự đồng ý bằng văn bản của XTEST Hà Nội. / May only be copied a parts of test report (Allow full) only with a written acceptance by XTEST Ha Noi.

ISO/IEC 17025:2017
Developed by
XTEST Vietnam

 ỦY BAN TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG QUỐC GIA TRUNG TÂM KỸ THUẬT TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG 3 QUALITY ASSURANCE & TESTING CENTER 3 Head Office: 49 Pasteur, Dist. 1, HCMC, Vietnam Tel: (84-28) 3829 4274 Fax: (84-28) 3829 3012 E-mail: info@quatest3.com.vn Website: www.quatest3.com.vn Testing Complex: No. 7, road No. 1, Bien Hoa 1 IZ, Dong Nai, Vietnam CS lot, K1 road, Cat Lai IZ, Thu Duc City, HCMC, Vietnam 64 Le Hong Phong, Dist.5, HCMC, Vietnam	
KT3-01312ACK5R	PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT 24/04/2025 Page 01/03
1. Tên mẫu: <i>Name of sample</i> THANH ĐỊNH HÌNH NHÔM VÀ HỢP KIM NHÔM 6063, TD-XF - C3328 - T1.4 2. Số lượng mẫu : <i>Quantity</i> 01 3. Mô tả mẫu : <i>Sample description</i> Xem hình trang 03/03 See picture on page 4. Ngày nhận mẫu: <i>Date of receiving</i> 21/04/2025 5. Ngày thử nghiệm: <i>Date of testing</i> 23/04/2025 6. Nơi gửi mẫu : <i>Customer</i> CÔNG TY TNHH NHÔM TIỀN ĐẠT 51/2 Đường Bế Văn Đàn, Khu Phố Bình Đường 3, Phường An Bình, Thành phố Dĩ An, Bình Dương 7. Kết quả thử nghiệm: <i>Test results</i> Xem trang 02/03...03/03 See pages	
TRƯỞNG PTN CƠ KHÍ & NDT HEAD OF MECHANICAL & NDT TESTING LAB.  Phạm Văn Út	TL.GIÁM ĐỐC / PP. DIRECTOR TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM HEAD OF TESTING LAB.  Nguyễn Tân Tùng
1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm. Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product. 2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request. 3. Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy. The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level. 4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3. This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3. 5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin. Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn for further information about test report.	



ỦY BAN TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG QUỐC GIA
TRUNG TÂM KỸ THUẬT TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG 3
QUALITY ASSURANCE & TESTING CENTER 3

Head Office: 49 Pasteur, Dist. 1, HCMC, Vietnam Tel: (84-28) 3829 4274 Fax: (84-28) 3829 3012 E-mail: info@quatest3.com.vn Website: www.quatest3.com.vn
Testing Complex: 9 No. 7, road No. 1, Bien Hoa 1 IZ, Dong Nai, Vietnam CS lot, K1 road, Cat Lai IZ, Thu Duc City, HCMC, Vietnam

KT3-01312ACK5R

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT



7. Kết quả thử nghiệm :

Tên chỉ tiêu Specification	Phương pháp thử Test method	Kết quả thử nghiệm Test result
A. THỬ KÉO / TENSILE TEST	TCVN 197-1:2014	
7.1. Kích thước mặt cắt ngang mẫu thử mm Dimension of section across specimen		12,6 x 1,264
7.2. Giới hạn chảy/ Yield strength $R_{p0,2}$ MPa		242
7.3. Giới hạn bền kéo/ Tensile strength MPa		267
7.4. Độ giãn dài tương đối sau khi đứt % Elongation after fracture		10,4
B. THÀNH PHẦN HÓA HỌC CHEMICAL COMPOSITION	ASTM E 1251 - 17	
7.5. Hàm lượng/ Content % (m/m)		
• Silic/ Silicon (Si)		0,507
• Sắt/ Iron (Fe)		0,142
• Đồng/ Copper (Cu)		0,007
• Mangan/ Manganese (Mn)		0,013
• Magiê/ Magnesium (Mg)		0,500
• Crôm/ Chromium (Cr)		0,006
• Niken/ Nickel (Ni)		0,006
• Kẽm/ Zinc (Zn)		0,013
• Titan/ Titanium (Ti)		0,013
• Beryli/ Beryllium (Be)		< 0,001
• Chì/ Lead (Pb)		0,004
• Thiếc / Tin (Sn)		< 0,001
• Vanadi / Vanadium (V)		0,013
• Zircon / Zirconium (Zr)		0,001
• Nhôm/ Aluminum (Al)		98,75

Ghi chú/ Notice : Chiều dài tính toán ban đầu lo/ Original gage length : 50 mm

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.
- Độ không đảm bảo do mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phần bỏ chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.
- Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.
- Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn for further information about test report.



ỦY BAN TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG QUỐC GIA
TRUNG TÂM KỸ THUẬT TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG 3
QUALITY ASSURANCE & TESTING CENTER 3

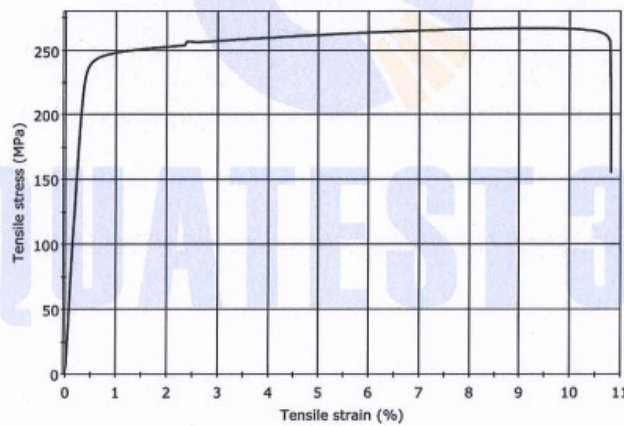
Head Office: 49 Pasteur, Dist. 1, HCMC, Vietnam Tel: (84-28) 3829 4274 Fax: (84-28) 3829 3012 E-mail: info@quatest3.com.vn Website: www.quatest3.com.vn
Testing Complex: No. 7, road No. 1, Bien Hoa 1 Z, Dong Nai, Vietnam CS lot, K1 road, Cai Lai Z, Thu Duc City, HCMC, Vietnam

KT3-01312ACK5R

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT



THU KEO



1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.
2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.
3. Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ $k = 2$, phản bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty multiplied by the coverage factor $k = 2$, at 95 % confidence level.
4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.
5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn for further information about test report.



ỦY BAN TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG QUỐC GIA
TRUNG TÂM KỸ THUẬT TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG 3
QUALITY ASSURANCE & TESTING CENTER 3

Head Office: 49 Pasteur, Sai Gon Ward, HCMC, Vietnam - Tel: (84-28) 3829 4274 - Fax: (84-28) 3829 3012 - E-mail: info@quatest3.com.vn - Website: www.quatest3.com.vn
Testing Complex: 0 No. 7, road No. 1, Bien Hoa 1 IZ, Dong Nai, Vietnam 0 CS lot, K1 road, Cat Lai IZ, Cat Lai Ward, HCMC, Vietnam 0 64 Le Hong Phang, Cho Quan Ward, HCMC, Vietnam

KT3-04561ACK5

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

24/11/2025
Page 01/03

1. Tên mẫu:
Name of sample **THANH ĐỊNH HÌNH NHÔM VÀ HỢP KIM NHÔM
6063-T6, SAU-04**
2. Số lượng mẫu :
Quantity **01**
3. Mô tả mẫu :
Sample description **Xem hình
See picture**
4. Ngày nhận mẫu:
Date of receiving **17/11/2025**
5. Ngày thử nghiệm:
Date of testing **21/11/2025**
6. Nơi gửi mẫu :
Customer **CÔNG TY TNHH NHÔM TIẾN ĐẠT
51/2 Đường Bế Văn Đàn, Khu Phố Bình Đường 3, Phường Dĩ An,
Thành phố Hồ Chí Minh**
7. Kết quả thử nghiệm:
Test results **Xem trang 02/03...03/03
See pages**

TRƯỞNG PTN CƠ KHÍ & NDT
HEAD OF MECHANICAL & NDT
TESTING LAB.

TL.GIÁM ĐỐC / PP. DIRECTOR
TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM
HEAD OF TESTING LAB.

Phạm Văn Út



1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.
2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.
3. Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.
4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.
5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ info@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
Please contact QUATEST 3 at the email addresses info@quatest3.com.vn for further information about test report.

DM105.02 (1/1) - 07/07/2025



ỦY BAN TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG QUỐC GIA
TRUNG TÂM KỸ THUẬT TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG 3
QUALITY ASSURANCE & TESTING CENTER

Head Office: 49 Pasteur, Sai Gon Ward, HCMC, Vietnam - Tel: (84-28) 3829 4274 - Fax: (84-28) 3829 3012 - E-mail: info@quatest3.com.vn Website: www.quatest3.com.vn
Testing Complex: 0 No. 7, road No. 1, Bien Hoa 1 IZ, Dong Nai, Vietnam 0 C5 lot, K1 road, Cat Lai IZ, Cat Lai Ward, HCMC, Vietnam 0 01 Luong Phong, Cho Quan Ward, HCMC, Vietnam

KT3-04561ACK5

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

24/11/2025
Page 02/03

7. Kết quả thử nghiệm :

Tên chỉ tiêu Specification	Phương pháp thử Test method	Kết quả thử nghiệm Test result
A. THỬ KÉO / TENSILE TEST		
7.1. Kích thước mặt cắt ngang mẫu thử mm Dimension of section across specimen	TCVN 197-1:2014	12,6 x 0,832
7.2. Giới hạn chảy/ Yield strength $R_{p0,2}$ MPa		258
7.3. Giới hạn bền kéo/ Tensile strength MPa		277
7.4. Độ giãn dài tương đối sau khi đứt % Elongation after fracture		11,0
B. THÀNH PHẦN HÓA HỌC CHEMICAL COMPOSITION		
7.5. Hàm lượng/ Content % (m/m)	ASTM E 1251 - 17	
• Silic/ Silicon (Si)		0,498
• Sắt/ Iron (Fe)		0,083
• Đồng/ Copper (Cu)		0,007
• Mangan/ Manganese (Mn)		0,011
• Magiê/ Magnesium (Mg)		0,666
• Crôm/ Chromium (Cr)		0,007
• Niken/ Nickel (Ni)		0,004
• Kẽm/ Zinc (Zn)		0,010
• Titan/ Titanium (Ti)		0,008
• Beryli/ Beryllium (Be)		< 0,001
• Chì/ Lead (Pb)		0,008
• Thiếc / Tin (Sn)		< 0,001
• Vanadi / Vanadium (V)		0,015
• Zircon / Zirconium (Zr)		0,001
• Nhôm/ Aluminum (Al)		98,67

Ghi chú/ Notice : Chiều dài tính toán ban đầu lo/ Original gage length : 50 mm

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.
- Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.
- Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.
- Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn for further information about test report.



CÔNG TY TNHH Nhôm Tiến Đạt

Interpon D Approved Applicator

Interpon D1036
Interpon D2525

Aluminum Substrate

For the period from 03rd **Jan 2022** to 03rd **Jan 2024**
Thereafter a new certificate of approval will be required.

[illegible]

Signature: **Mai Xuan Phong**
(Customer Technical Service Manager)

Akzo Nobel Powder Coatings (Vietnam) Co. Ltd
Road No.2 Nhon Trach I Industrial Zone, Dong Nai Province, Vietnam



Certificate of Approval

Tien Dat Aluminium Company Limited

152, Road DH 436, Suoi Sau Hamlet, Dat Cuoc Commune, Bac Tan Uyen
District, Binh Duong Province

is certified as an Approved Applicator to coat

Jotun Facade

a product from Jotun Powder Coatings

(15 years warranty)

This company fulfils the requirements set by Jotun Powder Coatings for pre-treatment and application of powder coatings. These include having the necessary equipment, process controls and technical knowledge to comply with Jotun Powder Coatings standards and the requirements of AAMA2603/Qualicoat 1



Approved Number: VN-FA-240036
Issued Date : 20-10-2024
(Certificate valid for one year from date above)

Authorized Signatory
Luu Thi Phuong Hoang
Sales Director - Powder Coatings
Jotun Paints (Vietnam) Co., Ltd.

CÔNG TY TNHH NHÔM TIẾN ĐẠT – TDA

Nhà Máy Bình Dương - Dĩ An

51/2 Đường Bế Văn Đàn, Khu phố Bình Đường 3, Phường
Dĩ An, TP. Hồ Chí Minh

Nhà Máy Bình Dương - Đất Cước

152 ĐH 436, Ấp Suối Sâu, Xã Bắc Tân Uyên, TP. Hồ Chí Minh

Showroom

Tại chi nhánh Đất Cước

 info@nhomtiendat.com

 090.147.0959

 028.3729.1230 - 028.3729.5556

